

TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

CN. TRẦN MAI GIANG

Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình

Nhắc đến Quảng Bình là nhắc đến dải đất chỉ với 40,3km bề ngang - nơi hẹp nhất của mảnh đất hình chữ S, là nhắc đến “Quê hương hai giới”, là “Quảng Bình quật khởi” đã làm nức lòng bao thế hệ nhân dân trong và ngoài nước. Mảnh đất ấy trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, thời kỳ nào Quảng Bình cũng nằm vào vị trí xung yếu của lịch sử dân tộc, phải chứng kiến và chịu đựng nhiều nỗi đau chia cắt, chiến tranh xâm lược, tranh giành quyền lực và có lẽ điều đó đã tôi luyện con người nơi đây trở nên anh dũng, bất khuất, có truyền thống yêu nước, hiếu học, đoàn kết, lao động, cần cù, sáng tạo, vượt qua mọi gian khổ để có được như ngày hôm nay. Bởi thế, càng tiếp xúc với tiến trình phát triển của vùng đất Quảng Bình theo suốt chiều dài lịch sử, người ta không khỏi ngạc nhiên bởi những đóng góp của mảnh đất này vào sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt.

Theo kết quả nghiên cứu của các nhà địa chất học, vùng đất Quảng Bình có một bề dày văn hoá hàng nghìn năm, có nhiều dấu tích cư trú lâu đời của người tiền sử, từ thời đồ đá giữa, cách đây khoảng vạn năm. Không những thế đây còn là nơi giao thoa của các trung tâm văn hóa lớn của dân tộc. Các nhà khảo cổ học trong và ngoài nước trước năm 1945 đã phát hiện được trên địa phận Quảng Bình nhiều di tích khảo cổ chứng tỏ người Quảng Bình đã tồn tại với dân tộc người Việt từ thời cổ đại. Khi vua Hùng lập quốc, Quảng Bình thuộc đất bộ Việt Thường, một bộ ở phía Nam trong 15 bộ lạc của nhà nước Văn Lang. Bấy giờ cư dân Văn Lang trên địa vực Quảng Bình đã biết kế thừa và phát huy những thành tựu văn hoá của các thời kỳ trước để bước vào thời kỳ đồng thau nhằm mục đích phát triển kinh tế, chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi. Sau thời kỳ đồ đá mới, bước vào giai đoạn sơ kỳ kim khí, những di tích khảo cổ học ở Khương Hà, Cổ Giàng, Quảng Lưu, Long Đại, Thanh Trạch... chứng tỏ sự kế tiếp của các thời kỳ văn hoá khá rõ nét. Bước vào thời kỳ Văn hoá Đông Sơn, ở Quảng Bình đã tìm thấy nhiều loại vũ khí như mũi tên, rìu, lưỡi giáo, dao găm bằng đồng; nhiều loại công cụ đồ dùng sinh hoạt như thạp đồng, thố đồng, đồ trang sức đồng và cả trống đồng ở nhiều di chỉ khảo cổ khác nhau như Cồn Nền, Phù Lưu, Hoá Hợp... đi cùng với đó là những phong tục tập quán như tục ăn trâu, nhuộm răng, xăm mình được lưu giữ trong một thời gian dài ở Quảng Bình, chứng tỏ cư dân ở đây cũng như nhiều nơi khác của nước Văn Lang có chung một bản sắc văn hoá truyền thống và vùng đất Quảng Bình với tên gọi là bộ Việt Thường là một phần lãnh thổ của Văn Lang trong thời đại Hùng Vương. Những nét đẹp ấy còn được lưu trữ và phát triển lên một tầm cao mới khi nước Âu Lạc ra đời vào thế kỉ thứ III trước công nguyên.

Tuy nhiên, cuộc sống tự do của dân ta chỉ tồn tại được 30 năm dưới thời Thục Phán An Dương Vương cho đến năm 179 trước công nguyên, nước ta bị triều đại phong kiến phương Bắc đánh chiếm và đô hộ, vùng đất Quảng Bình khi thì nằm trong

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

quận Tượng Lâm, khi thì nằm trong quận Nhật Nam. Chúng thực hiện những chính sách bóc lột cũng như các biện pháp cai trị hà khắc nhằm xóa bỏ nền văn hóa Âu Lạc đã có trước đó. Trước tình hình đó, để bảo vệ nền văn hoá độc lập dân tộc, nhân dân các dân tộc của nước Âu Lạc trước đây đã nổi lên chống lại ách đô hộ của nhà Hán mà đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng vào tháng 3 năm 40. Dưới ngọn cờ của Hai Bà Trưng, các cuộc khởi nghĩa của các địa phương đã thống nhất thành một phong trào khởi nghĩa rộng lớn của nhân dân đứng lên chống ách đô hộ của nhà Hán. Trong cuộc khởi nghĩa đó, nhân dân quận Nhật Nam trong đó có những người dân Quảng Bình đã cùng với nhân dân cả nước đoàn kết một lòng, nêu cao ý thức dân tộc không cam chịu sự thống trị của phong kiến phương Bắc, đứng lên giành độc lập. Tinh thần đó là sự khởi đầu cho một truyền thống kiên cường đấu tranh cho những giai đoạn lịch sử kế tiếp sau.

Năm 192, triều đại Đông Hán bị đánh bại phải rút quân về nước, Quảng Bình nằm trong lãnh thổ Lâm Ấp (sau này đổi tên thành Hoàn Vương năm 749 và Chiêm Thành năm 875). Quảng Bình nằm trong 2 châu: châu Bồ Chinh và châu Địa Lý. Ngay từ khi ấy, Chiêm Thành đã nhận thấy đây là địa bàn xung yếu, là địa đầu của quốc thổ nên đã chăm lo xây dựng hệ thống đồn lũy trên đất Quảng Bình khá kiên cố, mà ngày nay nhiều thành lũy còn để lại di tích trên đất Quảng Bình, điển hình như thành Khu Túc và thành Nhà Ngo. Và cũng vì nhận định đó mà sau này Đào Duy Từ đã khuyên chúa Nguyễn đắp lũy Trường Dục từ núi Trường Dục đến phá Hạc Hải nhằm ngăn chặn quân Trịnh ngược dòng sông Nhật Lệ vào đánh xứ Đàng Trong. Năm [Tân Mùi \(1631\)](#), theo lời Đào Duy Từ, chúa Nguyễn lại cho đắp một cái lũy nữa kiên cố hơn, dài 18km bắt đầu từ núi Đâu Mâu qua cửa biển Nhật Lệ tiến lên phía Đông Bắc đến làng Đông Hải. Nhờ có hai cái lũy trên, chúa Nguyễn đã ngăn chặn được các cuộc tiến công của quân Trịnh trong một thời kỳ dài.

Trong giai đoạn này, do hứng chịu các cuộc chiến tranh giữa người Chăm và các triều đại phong kiến Trung Quốc mảnh đất Quảng Bình luôn là chiến trường đẫm máu. Đời sống nhân dân vô cùng khổ cực và phải chịu nhiều mất mát hy sinh. Đó là giai đoạn để lại dấu ấn lịch sử đầy biến động đau thương của một thời Quảng Bình thuộc Chiêm Thành.

Nhưng mặc dù bị ách thống trị đè nặng, nhân dân các dân tộc của nước Âu Lạc vẫn không ngừng đấu tranh giành lại độc lập dân tộc. Ý chí tự lực, tự cường được biểu hiện trong cuộc đấu tranh bền bỉ và quyết liệt nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trước âm mưu đồng hoá của các triều đại phong kiến Trung Quốc đã củng cố thêm tinh thần dân tộc và ý thức độc lập của nhân dân ta. Các cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra làm cho các triều đại phong kiến thống trị Trung Quốc phải luôn gồng mình đối phó. Đến đầu thế kỉ III, phong trào khởi nghĩa nhân dân lại càng phát triển rộng rãi và mạnh mẽ hơn trước, điển hình như khởi nghĩa Bà Triệu năm 248, khởi nghĩa Lý Bí năm 542, khởi nghĩa Lý Tự Tiên và Đinh Kiến (687), khởi nghĩa Mai Thúc Loan (722), khởi nghĩa Phùng Hưng (766-791), khởi nghĩa Dương Thanh (819-820). Đặc biệt, năm 938, khi quân Nam Hán sang xâm lược nước ta, dưới sự lãnh đạo của Ngô Quyền, quân dân ta đã đánh bại đội quân xâm lược trên sông Bạch Đằng bảo vệ nền

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

độc lập trọn vẹn, chấm dứt hoàn toàn 1000 năm Bắc thuộc. Nước nhà được độc lập, sau nhà Đinh, nhà Lý lên ngôi, Lý Thái Tổ đặt tên nước là Đại Việt, xây dựng nhà nước trung ương tập quyền, xây dựng, củng cố quân đội, chăm lo phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của đất nước. Ở phía Bắc, sau thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ nhất dưới thời Tiền Lê, nhà Tống vẫn không chịu bỏ âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa. Ở phía Nam, mặc dầu bị thất bại nặng nề trong những lần đánh phá nước ta, các vương triều Chiêm Thành vẫn không từ bỏ âm mưu mở rộng ảnh hưởng ra phía Bắc và âm mưu cấu kết với nhà Tống xâm lược lãnh thổ quốc gia. Năm 1069, để phá tan âm mưu cấu kết giữa quân xâm lược nhà Tống và Chiêm Thành, một đạo quân Đại Việt do Lý Thánh Tông cầm đầu và tướng Lý Thường Kiệt chỉ huy, đã tiến đánh vào tận kinh thành Chăm-pa, bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Để chuộc tội, vua Chiêm cắt dâng 3 châu: Bố Chính, Ma Linh, Địa Lý cho nhà Lý. Quảng Bình sát nhập với cội nguồn Đại Việt từ đó.

Cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chiêm Thành năm 1069 với chiến thắng của quân dân Đại Việt có ý nghĩa rất quan trọng đối với lịch sử vùng đất Quảng Bình nói riêng và lịch sử nước ta nói chung. Đến năm 1075, Lý Thường Kiệt cho vẽ bản đồ ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh; triều đình nhà Lý quyết định đổi châu Bố Chính thành châu Bố Chính, đổi châu Địa Lý thành châu Lâm Bình, châu Ma Linh thành châu Minh Linh và chiêu dân đến khai hoang lập ấp.

Như vậy là dưới triều Lý từ 1075, vùng đất Quảng Bình xưa đã trở thành đơn vị hành chính của Đại Việt với tên gọi là châu Bố Chính và châu Lâm Bình. Đây là mốc lịch sử quan trọng định hình địa vực cư trú của cộng đồng người Việt trên vùng đất Quảng Bình ngày nay. Có thể nói kể từ 1075, về cơ bản địa phận Quảng Bình được sát nhập vào quốc gia Đại Việt. Trải qua những biến động lịch sử, mảnh đất Quảng Bình từ đây trở thành phen dậu của Đại Việt ở phía Nam, có vị trí cực kỳ quan trọng trong việc mở mang bờ cõi đất nước ở những giai đoạn lịch sử kế tiếp. Sau sự kiện 1075, các triều đại phong kiến Việt Nam bắt đầu tổ chức những đợt di dân lập ấp, khai phá vùng đất mới, thực hiện chủ quyền trên lãnh thổ của mình. Cuộc sống của những cư dân đầu tiên trên mảnh đất này rất vất vả và khó khăn. Họ bắt tay vào công cuộc khai hoang lập ấp trong điều kiện thời tiết khí hậu khắc nghiệt, đất đai chưa được thuần thục. Hơn nữa, nơi đây là vùng biên ải, nhiều cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chiêm Thành xảy ra trong nhiều thế kỉ kế tiếp. Nhưng với sức sống của những người dân Quảng Bình, họ đã vượt qua tất cả để tồn tại và phát triển, xây dựng non sông giàu đẹp như ngày nay. Sự nghiệp khai phá mới được bắt đầu dưới thời Lý và còn tiếp tục phát triển sang nhà Trần, nhà Lê và đã có những biến đổi quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế nơi đây diễn ra mạnh mẽ và có quy mô hơn giai đoạn trước, đây cũng là cơ sở để xây dựng lực lượng quân sự của các vương hầu góp phần cùng với lực lượng quân đội của triều đình ba lần đánh tan quân xâm lược Nguyên Mông ở thế kỉ XIII. Sau thời Lý, cương vực và tên vùng đất này lại có nhiều thay đổi, năm 1361 vua Trần Duệ Tông đổi châu Lâm Bình thành phủ Tân Bình, năm 1375 Trần Duệ Tông đổi phủ Lâm Bình thành phủ Tân Bình. Dưới triều Lê, đời Lê Thánh Tông (1460-1497), quận Tân Bình thuộc châu Thuận Hoá. Có

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

thể nói dưới các triều đại phong kiến nhà Trần, công cuộc khai phá vùng đất Quảng Bình đã có nhiều bước tiến mới, đặc biệt ở vùng phía Nam là trấn Tân Bình. Với chế độ điền trang, công cuộc khẩn hoang được tiến hành trên quy mô lớn, kinh tế nông nghiệp đã có bước phát triển. Cùng với nông nghiệp các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải đã dần dần hình thành và phát triển theo. Trong thời kỳ này chúng ta không thể không nhắc đến công lao của thư sử cung Bảo Hoà Hoàng Hối Khanh - ông tuy không phải là người Quảng Bình nhưng có thể coi ông như ông tổ - người có công đầu trong việc khai khẩn đất đai, định cư lập làng ở Nha Nghi - trấn Tân Bình (Lệ Thủy ngày nay). Nhờ những chủ trương đúng đắn của ông như chiêu mộ những người phiêu tán, không có sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn ruộng đất lập điền trang, giải phóng nô tỳ, cho họ trở thành những nông dân tự do đã thúc đẩy lực lượng sản xuất, đưa Kiến Giang trù phú dần dần trở thành vựa lúa của trấn Tân Bình. Cùng với nông nghiệp các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp cũng phát triển để phục vụ sản xuất và đời sống. Phan Xá, Hoàng Giang nghề rèn phát triển, chuyên sản xuất nông cụ như lưỡi cuốc, lưỡi cày, dao rựa, liềm hái và cả grom giáo. Nhà Mòi (Xuân Lai, Mai Hạ) chuyên trồng dâu, nuôi tằm, trồng bông dệt vải, sản xuất tơ lụa. Nhà Ngo (Uẩn Áo) chuyên sản xuất đồ gốm, gạch ngói, nung vôi, phục vụ cho việc xây dựng. Cư Triền (làng Chên - Quảng Cư) chuyên nghề mộc, nghề chạm trổ và nghề thợ nề... Các làng nghề truyền thống này đã thúc đẩy cho sự phát triển thủ công nghiệp trong toàn huyện.

Việc xây dựng điền trang Tiểu Phúc Lộc đã thúc đẩy phát triển kinh tế trong toàn trấn, nhưng quan trọng hơn, Hoàng Hối Khanh đã dựa trên cơ sở đó để xây dựng một tiềm lực quân sự địa phương vững mạnh đóng góp nhiều cho các cuộc chiến tranh, bảo vệ biên cương phía Nam Đại Việt.

Bước sang triều đại nhà Lê, chủ trương di dân, khai phá vùng Bồ Chính được mở rộng với quy mô lớn, nhờ đó mà kinh tế - xã hội của vùng đất này ngày càng phát triển. Cùng với trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt hải sản, các ngành thủ công nghiệp cũng được thúc đẩy mạnh mẽ, nổi tiếng vào thời này có nghề trồng dâu nuôi tằm ở làng Trường Lục - huyện Khang Lộc; Lê Sơn - châu Bồ Chính, nghề làm chiếu hoa ở Đại Phúc Lộc - Lệ Thủy, gói hoa ở Đại Hoàng - châu Bồ Chính, nghề làm nón ở Thuận Bài, nghề tre đan ở Thọ Đơn đã phát triển từ thời kỳ đó và lưu truyền, trở thành những làng nghề truyền thống đến ngày nay. Do yêu cầu của việc phát triển nông nghiệp, nghề khai thác quặng sắt, luyện gang, rèn, mộc đã bắt đầu phát triển và nhân rộng khắp mọi nơi. Đặc biệt, lúc này ngành thương mại cũng đã có bước phát triển mới. Nhiều chợ nông thôn hình thành để mua bán trao đổi sản phẩm. Lúc này, ở Tân Bình xuất hiện những chợ lớn, là trung tâm mua bán của khu vực. Một trong những trung tâm thương mại thời đó phải kể đến chợ Đại Phúc của huyện Lệ Thủy.

Đối với việc giao thông vận tải, con đường thiên lý của nhà Hồ thiết lập trước đây ngày càng được mở rộng. Bên cạnh đường bộ, giao thông đường sông khá phát triển do nhiều làng định cư ven các dòng sông và nghề chài lưới, đóng thuyền phát triển. Một số dinh trạm, bưu trạm được xây dựng phục vụ cho việc giao thông liên lạc, phát triển kinh tế và phục vụ quốc phòng. Thời Lê - Mạc có ba trạm được xây dựng có

quy mô là trạm dịch Di Luân - châu Bồ Chính, trạm Bình Giang ở huyện Lệ Thủy và trạm Nhật Lệ ở huyện Khang Lộc.

Cùng với sự phát triển kinh tế, đời sống xã hội, văn hoá ở Tân Bình có bước phát triển so với các thời đại trước đây, đặc biệt việc học của vùng đất này dưới triều Lê đã có những bước tiến vượt bậc. Các hương ước, quy ước của các làng ở Tân Bình đều quy định rõ chế độ khuyến học. Nhờ đó mà nhiều địa phương ở phủ Tân Bình thời Lê, Mạc có nhiều người đỗ đạt, làm quan. Nhiều địa phương ở Quảng Bình trở thành vùng đất văn vật từ truyền thống hiếu học của thời kỳ này. “Cao Lao, Thị Lễ nổi nghiệp văn thơ... Phan Xá tiếng tăm văn vật” Các địa danh Lệ Sơn, La Hà, Cảnh Dương, Thổ Ngọa ở Bồ Chính và Võ Xá, Văn La, Cổ Hiền, Kim Nại ở Khang Lộc, Lệ Thủy là những vùng đất văn vật lưu truyền trong lịch sử. Trong thời nhà Lê, Mạc nhiều người ở Tân Bình đỗ đạt ra làm quan, đặc biệt trong số đó có Dương Văn An đỗ đệ Tam giáp Tiến sĩ khoa Đinh Mùi, niên hiệu Vĩnh Định thứ nhất (1547). Ông là soạn giả Ô châu cận lục, một tác phẩm địa chí có giá trị về vùng đất Quảng Bình trở vào.

Công cuộc khai thiết vùng đất Quảng Bình dưới các triều đại Lý, Trần, Lê diễn ra trong suốt 500 năm kể từ khi Bồ Chính, Địa Lý, Ma Linh của Chiêm Thành nhập vào Đại Việt, nơi đây là vùng đất hoang sơ. Suốt 5 thế kỉ vừa đấu tranh chống xâm lược vừa đấu tranh với thiên nhiên, mảnh đất Quảng Bình trong lãnh thổ Việt Nam ngày càng trở nên giàu đẹp.

Mặc dù điều kiện khí hậu và thiên nhiên không được ưu đãi, nhưng để tồn tại và phát triển của những cư dân Quảng Bình đã chuyển dần về phía Nam, nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi để mở mang nghề trồng lúa nước. Những cư dân đầu tiên của Lâm Bình (Quảng Ninh, Lệ Thủy) với sự cần cù chịu khó đã khai hoang vỡ đất, tạo nên những cánh đồng hai huyện trù phú ngày nay. Không dừng lại ở đấy, công cuộc khai phá vùng đất phía Bắc là Bồ Chính được tiếp tục với nhiều gian nan vất vả, để có những cánh đồng hẹp, ven biển và một vùng đồi rộng lớn được khai hoang trồng trọt. Cùng với sự khai thiết, những làng xóm được lập, hình thành nên những cộng đồng xã hội ngày càng đông đúc. Kinh tế nông nghiệp chiếm địa vị chủ yếu (bên cạnh còn tàn dư của kinh tế săn bắt, hái lượm), các ngành nghề thủ công nghiệp dần hình thành và phát triển với mục đích phục vụ cho nghề nông mang tính tự cung tự cấp, thương nghiệp đã có bước phát triển mới, nhất là dưới các triều đại Trần và Lê. Cơ sở vật chất chưa phát triển, nhưng với việc hình thành các thị thành phong kiến, hệ thống giao thông, nhất là con đường thiên lý Bắc - Nam đã tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Tân Bình.

Cùng với kinh tế, văn hoá xã hội 5 thế kỉ Lý, Trần, Lê trên vùng đất Quảng Bình đã có những bước phát triển nhảy vọt. Truyền thống văn hiến của dân tộc đã được các cư dân đầu tiên của Quảng Bình đem đến đất mới những giá trị tinh thần của cha ông để tạo nên bản sắc riêng của một vùng đất. Đó là truyền thống hiếu học, yêu thương nhân ái, chung lưng đấu cật, đoàn kết cộng đồng để xây dựng vùng đất được khai phá.

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

Trải qua triều đại Lý đến Trần và Lê, các thiết chế xã hội, chính trị được thiết lập và càng được củng cố. Các đơn vị hành chính được xây dựng hợp lý để bảo đảm cho việc quản lý của chính quyền phong kiến tập quyền.

Mặc dù đạt được những thành tựu trong phát triển kinh tế, văn hóa xã hội trong 5 thế kỉ qua nhưng dưới chế độ phong kiến đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, đặc biệt, vùng đất Quảng Bình ngày nay luôn là địa bàn trọng yếu trong các cuộc chiến tranh nhằm bảo vệ biên cương và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Dưới thời nhà Lý, vừa mới nhập vào Đại Việt được mấy năm, nhân dân Bố Chính, Lâm Bình và Minh Linh đã phải cùng với nhân dân cả nước chống quân xâm lược Tống. Đồng thời, phải trực tiếp chiến đấu để bảo vệ vùng đất biên cương phía Nam của Tổ quốc ngay những ngày đầu khi mới trở về lãnh thổ Đại Việt. Dưới thời Trần, nhân dân ta phải tiến hành ba cuộc chiến tranh chống xâm lược Nguyên Mông. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Tân Bình - Bố Chính, đã anh dũng chiến đấu đánh tan quân xâm lược. Riêng đối với mảnh đất này, đây là con đường tiến công của giặc Nguyên Mông trong cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai nên mức độ ác liệt nặng nề hơn. Hết nạn xâm lược Nguyên Mông là các cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chiêm Thành diễn ra hết sức khốc liệt, đặc biệt dưới triều đại của vua Chiêm Chế Bồng Nga. Xứ Tân Bình luôn chịu đựng sự cướp phá của quân Chiêm. Nơi đây, còn là trọng trấn của nhà Trần, cơ sở hậu cứ để quân đội Trần tấn công về phía Nam bảo vệ biên cương và lãnh thổ. Dưới thời nhà Lê, mặc dù biên giới Đại Việt đã tiến xuống phía Nam, nhưng những cuộc chiến tranh bảo vệ vùng đất Hóa châu của nhà Lê bao giờ cũng được tổ chức, huy động lực lượng và xuất phát từ đất Tân Bình. Suốt 400 năm với hàng chục cuộc chiến tranh lớn nhỏ, nhân dân Quảng Bình trong các thời đại Lý, Trần, Lê luôn là người đứng mũi chịu sào, chịu nhiều mất mát hy sinh. Những cư dân Quảng Bình đầu tiên đã làm rạng danh lịch sử trong những năm đầu tiên ấy có ý nghĩa rất quan trọng trong lịch sử phát triển của Quảng Bình ở những năm tiếp theo.

Riêng đối với Quảng Bình, Nguyễn Hoàng là người đầu tiên đặt tên tuổi cho tỉnh Quảng Bình. Danh xưng **“Quảng Bình”** lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1604 và danh xưng đó theo suốt tiến trình lịch sử Quảng Bình cho đến ngày nay. Mốc lịch sử này có thể được coi là mốc ra đời của tỉnh Quảng Bình vì đây là lần đầu tiên trong lịch sử, vùng đất này được chính thức gọi tên là **“Quảng Bình”**.

Do nằm ở vùng đất tranh chấp của hai thế lực phong kiến vua Lê chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và chúa Nguyễn ở Đàng Trong, nhân dân Quảng Bình phải chịu biết bao khó khăn. Chính sách bóc lột, đàn áp của tập đoàn phong kiến Đàng Trong và Đàng Ngoài đã làm cho nhân dân hai vùng điêu đứng, cực khổ. Năm 1771, phong trào nông dân Đàng Trong chống áp bức phát triển lên đỉnh cao với cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa nhanh chóng thu hút được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Chỉ trong vòng 10 ngày của tháng 6 năm 1786, nhân dân Quảng Bình đã nổi dậy phối hợp với nghĩa quân Tây Sơn đánh tan 3 vạn quân Trịnh trên phòng tuyến sông Gianh. Sau đó tiếp tục tiến thẳng ra Bắc - Hà, lật đổ chế độ nhà Trịnh, thống nhất đất nước. Tháng 12 năm 1788,

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

nông dân Quảng Bình gia nhập vào đội quân của Quang Trung - Nguyễn Huệ, tiến thẳng ra Thăng Long, quét sạch quân xâm lược Mãn Thanh.

Lên ngôi chưa được bao lâu thì Nguyễn Huệ qua đời, năm 1802, Nguyễn Ánh lật đổ triều Tây Sơn lên làm vua, đặt niên hiệu là Gia Long, đóng đô ở Phú Xuân (Huế), lập ra nhà Nguyễn. Trong 143 năm cai trị của mình (1802-1845), các triều đại nhà Nguyễn đã lập không ít các công lao nổi bật như khai phá vùng đất Thuận Quảng, mở rộng lãnh thổ vào tận vùng đồng bằng Sông Cửu Long, xác lập chủ quyền trên vùng đất mới, tạo nên diện mạo đất nước Việt Nam hôm nay, đồng thời thống nhất đất nước, mở mang phát triển kinh tế, thực hiện những chính sách cai trị làng xã tiến bộ vượt bậc... nhưng bên cạnh những mặt làm được thì nhà Nguyễn cũng có hạn chế đó là việc không chịu đổi mới, canh tân đất nước để phù hợp với hoàn cảnh của thời đại, trong việc tiếp tục chế độ quân điền, chủ trương độc tôn Nho giáo (lỗi thời, lạc hậu), hạn chế các tôn giáo khác, đặc biệt là Thiên Chúa giáo, cộng với chính sách trả thù man rợ đối với nghĩa quân Tây Sơn đã gây nên mối bất bình trong nhân dân... Những chính sách đối nội phản động, đối ngoại mù quáng đó của nhà Nguyễn đã tạo điều kiện mở đường cho thực dân Pháp xâm lược nước ta.

Sau nhiều năm chuẩn bị, năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Ngày 27 tháng 6 năm 1885, quân Pháp đổ bộ lên Thuận An, tiến vào kinh đô Phú Xuân, bắt triều Nguyễn đầu hàng vô điều kiện. Trong triều đình Huế lúc này phân thành hai phe: "Phe chủ chiến" và "Phe chủ hoà", "Phe chủ chiến" do Thượng thư Tôn Thất Thuyết đứng đầu đã vạch ra kế hoạch tấn công quân Pháp ở Huế. Sau vụ phản công ở Huế tháng 7 năm 1885 không thành, Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi chạy ra căn cứ Tân Sở (Quảng Trị), sau ra Tuyên Hoá (Quảng Bình) phát chiếu Cần Vương, kêu gọi nhân dân đứng lên phò vua cứu nước.

Đứng trước nguy cơ mất nước, hưởng ứng phong trào Cần Vương, nhân dân Quảng Bình đã vùng dậy dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu, quan lại và trí thức có tấm lòng yêu nước, đánh trả quân xâm lược. Vùng đất Quảng Bình trở thành một trong những nơi tụ nghĩa của phong trào Cần Vương. Các sĩ phu yêu nước của đất Quảng Bình như: Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân, Hoàng Phúc, Đoàn Chí Tuân, Lê Mộ Khởi, Mai Lượng... đã chiêu tập nghĩa quân, đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược. Hoảng sợ trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào kháng chiến chống Pháp ở Quảng Bình, thực dân Pháp và triều đình phong kiến Huế đã tập trung lực lượng đàn áp. Ngày 19 tháng 7 năm 1885, quân Pháp nhanh chóng chiếm thành Đồng Hới. Thực dân Pháp còn tổ chức nhiều cuộc tấn công vào căn cứ của vua Hàm Nghi ở vùng Tuyên Hóa. Tại đây đã xảy ra những trận đánh lớn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực và các tướng khác. Tháng 1 năm 1886, tại Khe Ve, nghĩa quân đã đánh bại hai lần tấn công quy mô của quân Pháp, giết và làm bị thương nhiều tên địch.

Tháng 4 năm 1886, ở Mỹ Lộc (Lệ Thủy) nghĩa quân Cần Vương dưới sự chỉ huy của thống lĩnh Hoàng Phúc đã đánh tan cuộc truy lùng của 500 lính khố xanh và quân Pháp, bắt sống tên cầm đầu là Võ Bá Liên. Cũng vào thời điểm này ở đồn Lèn Bạc,

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

Áng Sơn, Khe Giũa (Lê Thủy), các thủ lĩnh Đè Én, Đè Chít, Lãnh Nuông đã lãnh đạo nghĩa quân lần lượt đẩy lùi những cuộc tiến công của quân Pháp ở vùng núi này...

Những hoạt động mạnh mẽ của đội quân Cần Vương ở Quảng Bình dưới sự chỉ huy của Đoàn Chí Tuân (tức Bạch Xi) cũng giành được thắng lợi. Nghĩa quân đã làm cho quân Pháp ở vùng này hoang mang, mất ăn mất ngủ. Nhắc đến giai đoạn này người ta không thể không nhắc đến Bắc Kỳ quân vụ đại thần Hoàng Kế Viêm - người Văn La, huyện Khang Lộc sau gọi là (Quảng Ninh) là một nhân vật chống Pháp tích cực nhất dưới thời vua Tự Đức, người một lòng vì nước vì dân, khoảng thời gian gọi là làm việc cho Pháp, ông luôn luôn làm ngược lại ý đồ của Pháp, nói cách khác là luôn bất tuân lệnh Pháp từ công việc đến ý chí, là kẻ thù và cũng là đối thủ lợi hại của Pháp, ông đã làm cho kẻ thù vừa sợ hãi, vừa kính nể. Bởi thế người Pháp gọi ông là con người “Bất khả diệt, bất khả tin”.

Đến năm 1889, vua Hàm Nghi bị Pháp bắt, phong trào Cần Vương ở Quảng Bình tạm thời lắng xuống nhưng tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc của nhân dân vẫn âm ỉ cháy, rồi lại bùng lên mạnh mẽ trong các cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, trong các phong trào Đông Du, phong trào Duy Tân do Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh khởi xướng... Chính các buổi nói chuyện và tiếp xúc với các nhà yêu nước đã nhen nhóm và khơi dậy tinh thần yêu nước và gọi mở cho một số trí thức thanh niên ở Quảng Bình tìm con đường đấu tranh chống xâm lược theo xu hướng mới. Trong số đó có Võ Giáp (sau này chính là vị Đại tướng tài ba Võ Nguyên Giáp, học sinh trường Quốc học Huế, đã hăng hái đấu tranh đòi tự do, chống chế độ học đường hà khắc và cũng chính anh là một trong những người truyền không khí đấu tranh yêu nước và các trào lưu tư tưởng mới về quê hương). Tuy nhiên, các phong trào đấu tranh lúc này do chưa có một đường lối chính trị đúng đắn, nên không thể đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi. Phải đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930) đảm đương sứ mệnh của một Đảng lãnh đạo thì lúc đó các phong trào chống Pháp ở Quảng Bình mới có người lãnh đạo, phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn. Các tổ chức cơ sở Đảng lần lượt ra đời ở Trung Lực, Mỹ Thổ (Lê Thủy), ga Bó Trạch, Lũ Phong (Bó Trạch). Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, chống sưu cao, thuế nặng ở Quảng Bình liên tiếp nổ ra...

Từ năm 1936-1939, Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương sau là Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra đời cùng với việc thành lập các đoàn thể cứu quốc và các đội tự vệ tuyên truyền vào tháng 2 năm 1942 đã tạo nên sự khởi sắc mới trong các phong trào cách mạng tại Quảng Bình, và tạo nên những thắng lợi có ý nghĩa quan trọng không những làm cho quần chúng gắn bó mật thiết với nhau mà còn tạo tiền đề cơ sở cho cuộc vận động giải phóng dân tộc 1942-1945.

Ngày 17 tháng 8 năm 1945, Tỉnh bộ Việt Minh đã họp hội nghị để quán triệt lệnh tổng khởi nghĩa do đồng chí Tố Hữu phái viên của Trung ương vào truyền đạt. Hội nghị bàn kế hoạch lãnh đạo và quyết định lấy ngày 23 tháng 8 năm 1945 làm ngày khởi nghĩa chung toàn tỉnh. Đêm 22 rạng ngày 23 tháng 8 năm 1945, các tầng lớp nhân dân ở vùng ven và quanh khu vực thị xã Đồng Hới với băng cờ, gươm, giáo mác, gậy gộc tập trung đông đảo quanh thành Đồng Hới đợi lệnh tổng khởi nghĩa. Mờ sáng

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

ngày 23 tháng 8 năm 1945, lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố. Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, quần chúng cách mạng ở các phủ, huyện đã đồng loạt vùng lên giành chính quyền. Đến ngày 25 tháng 8, chính quyền cách mạng từ tỉnh xuống phủ, huyện, xã đều đã được thiết lập.

Có thể nói ngày 23 tháng 8 năm 1945 là mốc son chói lọi trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Bình. Chỉ trong vòng chưa đầy một ngày đêm, quần chúng nhân dân khắp tỉnh nhất tề nổi dậy lật đổ ách thống trị của đế quốc, phong kiến giành chính quyền về tay nhân dân. Cuộc khởi nghĩa diễn ra nhanh gọn và thu được thắng lợi to lớn.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, lần đầu tiên trong lịch sử, quân và dân Quảng Bình đủ mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi, từ miền xuôi đến miền ngược đã tập trung về tỉnh lỵ và huyện lỵ dự cuộc mít tinh lớn mừng ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Ngày mà Chủ tịch Hồ Chí Minh trịnh trọng đọc Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới "Nước Việt Nam đã thành một nước tự do, độc lập"... "toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Sau khi giành được thắng lợi, chính quyền cách mạng non trẻ phải đương đầu với những khó khăn chồng chất. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Quảng Bình phải đối mặt với ba loại giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Hàng vạn người thiếu ăn, hàng trăm người thất nghiệp không có việc làm phải bỏ quê hương đi tha hương cầu thực. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản tuyên ngôn độc lập, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình quyết tâm xây dựng và bảo vệ chính quyền, giữ vững thành quả cách mạng vừa giành được đồng thời tăng cường tiềm lực quân sự, chuẩn bị kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Nhân dân trong tỉnh một mặt tích cực tham gia các lực lượng tự vệ, mặt khác hăng hái sản xuất, chống giặc đói, giặc dốt như chống giặc ngoại xâm, đưa ra nhiều sáng kiến để cứu đói như lập hồ gạo cứu đói, ngày đồng tâm nhịn ăn, thành lập các đoàn cứu đói đi giúp đỡ nhân dân và lực lượng vũ trang...

Độc lập, tự do chưa được bao lâu thì ngày 23 tháng 9 năm 1945, núp dưới bóng quân Anh, thực dân Pháp trở lại Sài Gòn, nổ súng tiến công mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Ngày 27 tháng 3 năm 1947 thực dân Pháp huy động một lực lượng lớn hải, lục, không quân đánh chiếm Quảng Bình. Trong một thời gian ngắn, quân Pháp đã thiết lập một hệ thống đồn bốt dày đặc, tiến hành các vụ tàn sát đẫm máu. Quảng Bình trở thành chiến trường ác liệt, gian khổ và giữ một vị trí quan trọng trên địa bàn Liên khu IV. Là một bộ phận gắn bó máu thịt với cuộc kháng chiến của nhân dân cả nước, nhân dân Quảng Bình đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, đoàn kết một lòng đứng dậy kháng chiến. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Liên khu IV, Đảng bộ tỉnh, nhân dân Quảng Bình đã biết vận dụng một cách sáng tạo trước mọi tình huống của chiến tranh, với khẩu hiệu "Kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ", tinh thần "Tất cả cho tiền tuyến", và phương châm "Nửa kháng chiến, nửa kiến quốc", khẳng định "Mất đất chưa phải là mất nước, chúng ta chỉ sợ mất lòng tin của dân. Chúng ta phải dựa vào dân" đồng thời tổ chức động viên toàn dân tham gia

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

kháng chiến, tạo nên sức mạnh to lớn để chiến thắng kẻ thù. Chính vì thế mà sau 9 tháng kháng chiến (27 tháng 3 đến tháng 12 năm 1947), lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Bình đã tiêu diệt và làm bị thương 1.235 tên lính Pháp. Bước trưởng thành của lực lượng vũ trang là tiền đề cho Quảng Bình vững vàng, tự tin vượt qua những thử thách mới, tiếp tục đưa phong trào kháng chiến tiến tới. Những thắng lợi của quân ta gây tâm lý hoang mang đối với hệ thống nguy quân, nguy quyền các cấp trong tỉnh, góp phần chặn đứng âm mưu của địch muốn chiếm Bắc Quảng Bình làm bàn đạp tiến công Hà Tĩnh và các tỉnh phía Bắc Liên khu IV và gây được niềm tin cho nhân dân...

Trước tình hình phát triển mạnh mẽ của phong trào kháng chiến, tháng 6 năm 1949, Tỉnh uỷ mở hội nghị cán bộ toàn tỉnh, hội nghị quyết định lấy ngày 15 tháng 7 năm 1949 làm ngày "Quảng Bình quật khởi", là ngày quân dân Quảng Bình cùng nhau đoàn kết đồng loạt nổi dậy tấn công địch bằng quân sự, chính trị ở nhiều nơi, đẩy chúng vào thế bị động đối phó, quân ta chuyển từ thế yếu thành thế mạnh, đưa quân địch vào thế "tiến thoái lưỡng nan", phải nằm án binh bất động. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã xuất hiện nhiều làng chiến đấu tiêu biểu như Cụ Nấm, Cảnh Dương, Hiền Lộc, Hưng Đạo... Các làng chiến đấu đó là những thành công điển hình về động viên và tổ chức được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến. Tính đến cuối tháng 7 năm 1949, lực lượng vũ trang tỉnh đã đánh 120 trận, diệt 40 tên Pháp, bắn bị thương 120 tên bao gồm cả Pháp và nguy, phá hỏng 22 xe, 34 cầu cống, giải tán 225 hội tề...

Bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến ở Quảng Bình lại giành được thắng lợi to lớn, đánh dấu bằng những chiến công vang dội của lực lượng vũ trang như chiến thắng La Hà, Phù Trích tháng 2 năm 1950, chiến thắng Xuân Bò tháng 5 năm 1950... Đến Đông Xuân 1953-1954, lực lượng vũ trang của ta không ngừng lớn mạnh, căn cứ cách mạng được mở rộng ở vùng trung du, đồng bằng, thị xã. Giành được chiến thắng liên tiếp trên chiến trường chính, cổ vũ, quân và dân Quảng Bình liên tục đánh điểm diệt, giành thắng lợi to lớn và toàn diện. Về đấu tranh chính trị, tuyên truyền vũ trang đã vận động nhân dân tổ chức được hàng ngàn cuộc đấu tranh chống bắt phu, bắt lính, chống đồn làng, đồn dân, chống lập tề. Kiên trì đấu tranh kinh tế, chống địch phá hoại sản xuất, cướp phá mùa màng; vận động nhân dân đóng góp sức người, sức của phục vụ tiền tuyến, hàng chục ngàn lượt người đi dân công, hoả tuyến.

Hơn 9 năm đối đầu với quân xâm lược, chúng ta càng tự hào với những chiến thắng mà nhân dân Quảng Bình đã giành được. Quân và dân Quảng Bình đã cùng với cả nước đánh thắng mọi âm mưu, thủ đoạn của thực dân Pháp, bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng tiềm lực cho cuộc kháng chiến, tổ chức nhiều chiến dịch và trận đánh hay, tiêu diệt và tiêu hao các lực lượng chủ lực của thực dân Pháp trên địa bàn Quảng Bình; cùng với quân dân Trị Thiên nói riêng và quân dân Khu IV nói chung đẩy mạnh các hoạt động quân sự phối hợp với chiến trường chính đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp; kết thúc bằng thắng lợi của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải chấp nhận ký Hiệp định Paris công nhận chủ quyền độc lập dân tộc của Việt Nam, mở ra thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

Sau ngày quê hương hoàn toàn giải phóng (1954), quân và dân Quảng Bình cùng một lúc phải dồn sức giải quyết nhiều việc hết sức cấp bách, đó là phải khắc phục hậu quả nặng nề do chế độ thực dân phong kiến để lại. Xác định vị trí là tỉnh tuyến đầu miền Bắc, mọi hoạt động kinh tế, xã hội trên mảnh đất Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh có ảnh hưởng trực tiếp và quan trọng đối với quần chúng cách mạng ở miền Nam. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ Quảng Bình phát huy truyền thống "Quảng Bình quật khởi" bắt tay thực hiện công cuộc hàn gắn vết thương sau chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, bước đầu ổn định đời sống, đồng thời chú trọng tăng cường quốc phòng, xây dựng quân đội sẵn sàng đập tan mọi âm mưu hoạt động phá hoại của địch, kết hợp xây dựng quốc phòng với phát triển kinh tế và xã hội. Trong thời kỳ này, người ta không thể không nhắc đến hợp tác xã Đại Phong - lá cờ đầu trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp miền Bắc, nhờ áp dụng chuyên môn hoá ngành nghề, định mức lao động, tiến hành khoán lao động, khoán sản phẩm và khoán khối lượng đến người lao động, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực hiện chính sách xã hội tốt nên ngay trong những năm đầu thành lập, hợp tác xã đã thu được kết quả rất khả quan. Gió Đại Phong đã trở thành điển hình tiên tiến, có sức hút mạnh mẽ, là tấm gương sáng cho cả nước và mọi người học tập. Đi đôi với việc phát triển kinh tế và nâng cao đời sống, nhân dân Quảng Bình không ngừng cảnh giác, huy động mọi nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất và tiềm lực chuẩn bị cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ lâu dài. Với sự trưởng thành nhanh chóng của dân quân du kích tính nhà 3 năm liền (1958-1960), Quảng Bình luôn được giữ cờ luân lưu Quân khu IV. Những kết quả to lớn mà quân và dân Quảng Bình giành được trong những năm đầu khắc phục hậu quả nặng nề do chế độ thực dân phong kiến để lại, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, củng cố và xây dựng tiềm lực quốc phòng... đã góp phần làm khởi sắc bộ mặt quê hương. Để ghi nhận những kết quả đó Quốc hội đã quyết định tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3 (1959) cho đồng bào và chiến sĩ Quảng Bình, điều này như tạo thêm động lực cho Quảng Bình phấn đấu giành được nhiều thành quả trong việc xây dựng quan hệ sản xuất mới, nâng cao hiệu quả sản xuất và tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng hạ tầng cơ sở cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên địa bàn. Thành quả trên đây là một minh chứng sinh động sức mạnh và tính ưu việt của chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa do Đảng và Bác Hồ vạch đường chỉ lối. Đó là tiền đề vững chắc để 40 vạn đồng bào và chiến sĩ trong tình vững bước vào thời kỳ mới: Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), xây dựng thế trận trên địa bàn tuyến đầu miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Sau Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, thực hiện chủ trương của Đảng đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng cả nước, Quảng Bình bước vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Sau 5 năm thực hiện các kế hoạch ngắn hạn do Đại hội Đại biểu Đảng bộ Quảng Bình lần thứ IV và lần thứ V đề ra, nhân dân Quảng Bình đã thu được những thành tựu rất quan trọng. Trong quá trình thực hiện đã xuất hiện nhiều đơn vị có thành tích xuất sắc từ các hợp tác xã nông nghiệp đến các xí nghiệp công nghiệp. Các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục đều phát triển. Đi đôi với việc phát triển

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

kinh tế, các cấp, các ngành đã phối hợp với Tỉnh đội hoàn chỉnh kế hoạch phòng thủ, xây dựng các cụm chiến đấu ở vùng xung yếu, nâng cao ý thức sẵn sàng chiến đấu và trình độ hiệp đồng chiến đấu của lực lượng dân quân, tự vệ, nhờ đó đã phá tan nhiều âm mưu xâm nhập của địch, điển hình vào đêm 30 tháng 6 năm 1964, quân và ngư dân chi bộ Đồng Thành đã kiên cường truy bắt đến cùng 20 tên biệt kích đột nhập vào cửa Nhật Lệ, hình ảnh quả cảm của đồng chí Trương Pháp là một động lực để nhân dân tiến lên phía trước chiến đấu phá tan âm mưu của địch.

Trải qua 10 năm khôi phục, xây dựng và phát triển kinh tế, với phương châm tự lực cánh sinh là chính, quân và dân trong tỉnh đã nỗ lực vượt bậc làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt quê hương cả về kinh tế - chính trị - văn hoá - xã hội và quốc phòng - an ninh, tạo thuận lợi trong việc huy động nguồn lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là cơ sở hạ tầng, là tiềm lực để Quảng Bình xây dựng quê hương thành hậu phương, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, làm tròn nghĩa vụ, trách nhiệm của lịch sử giao phó trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của cả dân tộc.

Trong khi nhân dân Quảng Bình đang hừng hực khí thế thi đua xây dựng quê hương thì ngày 7 tháng 2 năm 1965, Mỹ chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta. Từ đó Quảng Bình phải chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế cho phù hợp với tình hình thời chiến.

Trước sự tàn phá khốc liệt của quân thù, quân và dân ta đã phối hợp với lực lượng phòng không đánh trả quyết liệt địch, giành được những chiến công vang dội, trong cuộc chiến tưởng chừng không ngang sức ấy, vẫn vang vọng tiếng hô của chính trị viên đại đội 3, tiểu đoàn 14 Nguyễn Viết Xuân: “Nhằm thẳng quân thù mà bắn” đã trở thành khẩu hiệu bất tử, thể hiện tinh thần quyết đánh và quyết thắng của quân và dân ta trước cuộc chiến tranh phá hoại của kẻ thù. Vậy là cùng với miền Bắc, Quảng Bình bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ với một khí thế khẩn trương, chủ động, tự tin. Quảng Bình cùng với cả nước và vì cả nước quyết tâm đánh thắng trận đầu, giáng cho kẻ thù những đòn trừng trị thích đáng. Tính đến cuối năm 1965, Quảng Bình đã bắn rơi 141 máy bay Mỹ, dân quân tự vệ độc lập bắn rơi 11 chiếc. Thắng lợi đó đã khẳng định Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình có quyết tâm chiến đấu cao, sẵn sàng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ hy sinh, quyết đánh, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Quảng Bình cũng là nơi bắn rơi chiếc máy bay thứ 100, 200, 300, 400, 500 và chiếc máy bay thứ 3.000 trên miền Bắc. Với tinh thần “xe chưa qua nhà không tiếc”, “đường chưa thông không tiếc máu xương” người dân Võ Ninh đã chấp nhận dỡ nhà lấy vật liệu chống lầy cho xe qua hay với khẩu hiệu “Đường, ngầm, sông, bến phà là trận địa” các lực lượng công binh, các chiến sĩ lái ca nô, thanh niên xung phong, dân công hoả tiễn kể cả phụ nữ, thiếu niên đã dũng cảm phá bom lấp hố, sửa đường, đưa phà, chèo đò cho bộ đội qua sông dưới làn bom đạn của địch. Tổng cộng cả hai lần chiến tranh phá hoại, quân và dân Quảng Bình đã bắn rơi 704 máy bay kể cả máy bay B52, F111, nhiều tên giặc lái bị bắt sống cùng với 86 tàu chiến bị bắn chìm và bắn cháy. Từ trong phong trào cách mạng sôi nổi ấy đã xuất hiện những đơn vị, cá nhân anh hùng, hàng nghìn chiến sĩ hai giới và có biết bao nhiêu tấm gương dũng cảm xả thân vì sự nghiệp

chống Mĩ cứu nước như liệt sĩ Nguyễn Viết Xuân, mẹ Suốt, Nguyễn Thị Kim Huế, hình ảnh của chiến sĩ dân quân Nguyễn Văn Tỏi và các em bé Bảo Ninh phối hợp chiến đấu, tiếp đạn cho tàu hải quân đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần dũng cảm đánh địch của bộ đội. Hình ảnh của dân và quân Ngư Thủy nói chung và đại đội nữ pháp binh Ngư Thủy nói riêng với ý chí “Một tấc không đi, một ly không rời” đã tạo thành một tấm gương sáng cho cả tỉnh noi theo. Những chiến công xuất sắc của quân và dân Quảng Bình trên mặt trận sản xuất và chiến đấu đã được Đảng và Chính phủ tặng thưởng nhiều huân chương và nhiều danh hiệu cao quý.

Có thể nói mảnh đất, con người Quảng Bình trong thời kỳ chống Mĩ cứu nước đã thu hút sự chú ý, lòng kính phục của nhân dân cả nước và bè bạn khắp năm châu, xứng đáng với tên gọi Quảng Bình - Quê hương “Hai giới”.

Trong khi phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại vô cùng ác liệt của đế quốc Mĩ, vừa sản xuất vừa chiến đấu, nhân dân Quảng Bình vẫn làm tròn nghĩa vụ đối với cách mạng miền Nam. Với tinh thần “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” toàn tỉnh đã huy động đến mức tối đa mọi sức người sức của cho tiền tuyến, cùng cả nước đánh thắng hoàn toàn giặc Mĩ xâm lược, góp phần quan trọng vào sự nghiệp thống nhất đất nước, cùng cả nước xây dựng Tổ quốc Việt Nam “Đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Quảng Bình không chỉ nổi bật ở truyền thống yêu nước và cách mạng, mảnh đất này còn nổi bật ở truyền thống lao động sáng tạo, truyền thống văn hóa, tinh thần hiếu học. Từ một vùng quê nhiều giồng bãi, lũ lụt, hạn hán, bằng bàn tay và khối óc của mình, con người nơi đây đã cải biến cả vùng đất thiên nhiên khắc nghiệt ấy thành nơi đất lành. Sản vật của tự nhiên qua bàn tay con người đã trở thành những món ăn đậm đà phong vị quê hương. Từ loài nhuyễn thể vùng nước mặn mà thành món khuyếc đậm hương quê nhà. Nếu miền biển được thiên nhiên ưu đãi giành tặng cho đầy đủ các loại hải sản như mực, cá, tôm, hào thì ở miền núi có ốc đá, cá niêng, có rượu dốt, rượu cần... Đồng bằng có vị ngọt của khoai deo thì miền núi có vị thơm nồng của quế vị thơm cay của cau, vị ngọt chát của chè. Nếu Lệ Thủy nổi tiếng với món bún ruốc thì Quảng Ninh có cháo hào, Đồng Hới với bánh lọc, sắn tôm, ra đến Quảng Trạch lại không thể không nếm thử bánh xèo Quảng Hòa rồi chắt chắt sông Gianh... Bởi thế những món quà cho người phương xa không thể thiếu bánh tráng Tân An, hải sản khô Bảo Ninh, ruốc Hải Thành, nước mắm Đức Trạch, khoai deo Hải Ninh, rượu Võ Xá... Vượt lên những lo toan cơm áo hằng ngày, người Quảng Bình đã biết tạo dựng nhà rường, nhà lá mái ở miền xuôi, nhà sàn ở miền núi. Những câu ca dao, điệu hò, điệu lý, hát bả trạo, sắc bùa, bài chòi ở miền xuôi; những khúc dân ca, dân nhạc miền núi; những lễ hội như hội bơi chải truyền thống 2/9 dương lịch (Lệ Thủy), cầu mùa (Bảo Ninh), cầu ngư (Cảnh Dương), hội bài chòi (Quảng Ninh) hội cướp cù (Quảng Trạch) cho đến hội đập trống của người Ma-Coong, lễ hội tria lúa lấp lộ của người Bru - Vân Kiều... đã tạo cho cuộc sống người dân và vùng đất này thêm phần đáng yêu và mang nhiều dáng nét riêng khá độc đáo. Không những thế đến với Quảng Bình là đến với vùng đất văn vật, có di chỉ Văn hoá Bàu Tró, các di chỉ thuộc nền Văn hoá Hoà Bình và Đông Sơn, nhiều di tích lịch sử như: Quảng Bình quan, luỹ Thầy, Rào Sen, thành Nhà Ngo, thành quách của thời Trịnh - Nguyễn, nhiều địa danh nổi tiếng trong hai

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc như Cự Nẫm, Cảnh Dương, Cha Lo, Công Trời, Xuân Sơn, Long Đại, đường Hồ Chí Minh... Trong quá trình lịch sử, đã hình thành nhiều làng văn hoá nổi tiếng và được truyền tụng từ đời này sang đời khác như “Bát danh hương”: “Sơn - Hà - Cảnh - Thổ - Văn - Võ - Cổ - Kim”. Từ xưa Quảng Bình nổi tiếng là đất học với nhiều nhà khoa bảng Nho học, sang thời kỳ Tân học và nền giáo dục cách mạng càng nổi lên truyền thống hiếu học với nhiều người học giỏi, nhiều người trở thành những nhà học thuật nổi tiếng trong nước, nhiều danh nhân tiền bối học rộng, đỗ cao và nổi tiếng xưa và nay trên nhiều lĩnh vực quân sự, văn hóa, xã hội như Dương Văn An, Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Hàm Ninh, Nguyễn Phạm Tuân, Đồng Sĩ Nguyên, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Hoàng Kế Viêm... đặc biệt không thể không nhắc đến Đại tướng Võ Nguyên Giáp - người con ưu tú, kiệt xuất của quê hương Quảng Bình, người là hiện thân của một trí tuệ vĩ đại, vừa là một nhà văn hóa, vừa là một nhà quân sự thiên tài, nhắc đến người là nhắc đến người Anh Cả của Quân đội Việt Nam, người anh hùng dân tộc, người đã hiến dâng cả cuộc đời cho cách mạng Việt Nam. Ông là huyền thoại của cách mạng và cuộc chiến Đông Dương, là hiện thân cho chiến thắng Điện Biên Phủ, là biểu trưng cho thắng lợi của các dân tộc thuộc địa trước phương Tây. Danh tiếng của ông không chỉ bó hẹp ở Việt Nam mà bạn bè năm châu bốn biển khi nhắc đến tên Võ Nguyên Giáp đều bày tỏ sự ngưỡng mộ sâu sắc, các dân tộc [châu Phi](#) và Mỹ La tinh tin rằng [chiến thắng Điện Biên Phủ](#) do ông chỉ huy là khởi nguồn cho nền độc lập ngày nay của họ, không những vậy, ông còn lưu giữ một vàng hào quang ngay cả trong các đối thủ ác chiến của mình. Đại tướng ra đi đã để lại cho người Việt Nam một trang sử đẹp, để lại cho thế giới những chiến tích lẫy lừng của một vị danh tướng nhân dân.

Từ sau khi đất nước hòa bình, thống nhất, không một phút nghỉ ngơi, Quảng Bình lại bắt tay vào công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh để lại, trước những thử thách gay gắt về mọi mặt nhưng được sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, quân và dân ta đã từng bước vượt qua mọi khó khăn và gây dựng nên những thành quả thật đáng tự hào như ngày hôm nay. Nhìn lại 38 năm từ ngày thống nhất đất nước, có lẽ không ai không ngưỡng mộ tâm và sức mà bao thế hệ người Quảng đã hiến tặng để tạo ra vị thế cho quê hương như ngày hôm nay.

Từ trong hoang tàn, đổ nát, quân và dân Quảng Bình đã đồng sức đồng lòng, phát huy truyền thống “Quảng Bình quật khởi” thi đua lao động sản xuất để giành được những thắng lợi bước đầu từ nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp đến giao thông vận tải, góp phần ổn định đời sống nhân dân những năm sau chiến tranh. Để tiếp tục thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội một cách ổn định và vững chắc hơn, Quảng Bình triển khai đề án phát triển các khu vực kinh tế trên địa bàn.

Đến cuối năm 1975, Quảng Bình đã hoàn thành một bước cơ bản về khôi phục các cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất và cho đời sống. Đồng thời đã xây dựng mới nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy nhanh các hoạt động trên lĩnh vực sản xuất và phục vụ đời sống của nhân dân. Không chỉ dừng lại ở đó, nhân dân Quảng Bình còn tích cực chi viện cho Quảng Trị và Thừa Thiên trong việc tiếp quản và ổn định tình hình, chi viện người và của nhằm giúp đỡ cho tỉnh Khăm Muộn và Savanakhét thuộc nước

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và nước Campuchia trong giai đoạn đầu sau khi kết thúc chiến tranh.

Một bước ngoặt nữa đối với vùng đất Quảng Bình vào tháng 8 năm 1975, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III đã ra quyết định hợp nhất các tỉnh Quảng Bình, khu vực Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Thừa Thiên thành một tỉnh nhằm xây dựng các tỉnh trở thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị tài chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất về sản xuất, phát triển kinh tế, tổ chức tốt đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân. Sau khi hợp nhất, tỉnh Bình Trị Thiên khởi lửa một thời nay lại hùng hực khí thế thi đua sản xuất, tạo sự chuyển biến trên nhiều mặt, khắc phục dần những hạn chế về kế hoạch và quản lý kinh tế, góp phần quan trọng giảm thiểu sự khủng hoảng kinh tế, ổn định cuộc sống, đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ tăng cường hợp tác quốc tế, làm tròn nghĩa vụ quốc tế, củng cố tình hữu nghị truyền thống Việt Nam - Lào - Campuchia. Có thể nói trong 14 năm nhập tỉnh, Đảng bộ và nhân dân ở Quảng Bình trong tỉnh Bình Trị Thiên đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới đã có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, để đáp ứng nguyện vọng của nhân dân cũng như phát huy tính chủ động, tích cực sáng tạo và sức mạnh nội lực của từng địa phương. Ngày 30 tháng 6 năm 1989, Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 5 đã thông qua nghị quyết về việc phân chia địa giới hành chính của tỉnh Bình Trị Thiên thành ba tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế.

Trở lại địa giới hành chính cũ với tên gọi Quảng Bình thân thương, nhân dân Quảng Bình vẫn giữ tình cảm tốt đẹp, truyền thống đoàn kết, tình nghĩa thủy chung với Quảng Trị và Thừa Thiên, nhân dân toàn tỉnh hân hoan, phấn khởi bước vào một thời kỳ mới, nỗ lực phấn đấu xây dựng quê hương Quảng Bình giàu đẹp.

Các phong trào thi đua phát triển kinh tế, phong trào thi đua yêu nước diễn ra mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, văn hóa xã hội, y tế, cho đến giáo dục đào tạo, đạt được những kết quả đáng khen ngợi. Để ghi nhận những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đạt được trong phong trào thi đua yêu nước 10 năm (1990-2000), Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý. Trong đó có 3 tập thể được phong tặng danh hiệu anh hùng: Đoàn biên phòng 597, Công an phường Đồng Phú (thị xã Đồng Hới); Công ty phân bón Sông Gianh; 1 anh hùng lao động bà là Phạm Thị Nghè ở xã Quang Phú (thị xã Đồng Hới), 143 Huân chương Lao động các hạng cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc; 207 bằng khen của Chính phủ và nhiều cờ thi đua, thư khen và phần thưởng khác. Cùng với những danh hiệu do Chủ tịch nước và Chính phủ trao tặng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trao tặng 281 đơn vị xuất sắc, 5.830 bằng khen cho đơn vị, cá nhân tiêu biểu.

Mặc dù phải chịu nhiều bất lợi về vị trí địa lý cũng như khí hậu khắc nghiệt nhưng không bao giờ khuất phục được con người nơi đây, nay lại được sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Quảng Bình đã vượt qua những thách thức ấy, phát huy nội lực vốn có của bản thân không ngừng phấn đấu đưa nền kinh tế của tỉnh đi vào thế ổn định và từng bước phát triển. Kết quả mà nhân dân Quảng Bình đạt được trong 10

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

năm đổi mới (1990-2000) đã tạo ra thế và lực mới để Quảng Bình cùng với cả nước bước vào thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.